

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 03/3/2022
V/v “Tranh chấp về ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Tuấn.
2. Bà Hồ Thị Hoàng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Danh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Xuân Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980.

- Bị đơn: Anh Trương Đức D, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Thôn TB, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

* Tất cả có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị C, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trương Đức D là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 8 năm 2016 tại UBND xã QN, huyện Nông Sơn. Trong quá trình chung sống giữa chị C và anh D do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2019 cho đến nay chị C và anh D không còn chung

sống cùng nhau nữa mà mỗi người sống mỗi nơi, vợ chồng không còn quan tâm nhau nữa. Nay chị C thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Đức D.

Về con chung: Chị C và anh D có 01 con chung tên Trương Đức V, sinh ngày 18/02/2015. Hiện nay con đang ở cùng với chị C và được chị C nuôi dưỡng, khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn: Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Đức D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Đức D và chị Nguyễn Thị C là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2016 tại UBND xã QN, huyện Nông Sơn, Quảng Nam. Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh D và chị C thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Từ hơn một năm nay, giữa anh D và chị C không còn chung sống cùng nhau, đến nay chị C làm đơn yêu cầu ly hôn anh D; còn anh D không đồng ý ly hôn, anh D có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ để làm ăn nuôi con.

Về con chung: Anh D và chị C có 01 con chung tên Trương Đức V, sinh ngày 18/02/2015. Nếu chị C vẫn cương quyết ly hôn, thì khi ly hôn anh D cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị C được ly hôn với anh D. Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Đức V, sinh ngày 18/02/2015. Hiện nay cháu V đang sinh sống cùng với chị C và học tập tại trường tiểu học TQC và được chị C nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong biên bản ghi lời khai cháu V thì khi ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu V cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên là phù hợp pháp luật. Các vấn đề

khác như cấp dưỡng nuôi con, phân chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng, do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị C và anh Trương Đức D đều cư trú tại thôn TB, xã QL, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị C yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con chung*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về trình tự giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Sơn theo đúng thời hạn luật định. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tiếp theo như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho các đương sự; Hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Trương Đức D là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QN theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày vào ngày 31 tháng 8 năm 2016, huyện Nông Sơn. Trong quá trình chung sống giữa chị C và anh D do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh D xin đoàn tụ. Nhưng thực tế hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa mà mỗi người sống độc lập ở mỗi nơi; anh D sinh sống tại nhà anh D ở xã QL, còn chị C sống tại xã NP, huyện Nông Sơn từ năm 2019 đến nay mà không hề quan tâm nhau. Tại phiên tòa chị C cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn cương quyết xin ly hôn với anh C.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của vợ chồng chị C và anh D tại địa phương, bà Nguyễn Thị Bích H, Chủ tịch Hội phụ nữ xã QL cho biết: Chị C và anh D trong quá trình chung sống hội phụ nữ xã QL không biết chị C và anh D có xảy ra mâu thuẫn, bởi vì chị C và anh D không sống chung với nhau ở địa phương và khi xảy ra mâu thuẫn, chị C không báo cáo cho hội phụ nữ xã biết.

Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị C, anh D đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị C.

+ Về con chung: Có một con chung tên Trương Đức V, sinh ngày 18/02/2015. Chị C và anh D không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và họ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị C và anh D không còn chung sống cùng nhau, cháu Trương Đức V sống cùng với chị C, cháu V hiện đang đi học tại Trường tiểu học TQC xã NP, huyện Nông Sơn, và căn cứ vào nguyện vọng của cháu V là, khi ba mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Do đó, cần giao cháu V cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi thành niên nhằm tạo sự phát triển toàn diện, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu V. Anh Trương Đức D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở phù hợp với Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Trương Đức D.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Đức V, sinh ngày 18/02/2015 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trương Đức D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị C phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0003001 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Nông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nông Sơn;
- UBND xã Ninh Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tam